

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2025/DS-PT

Ngày: 19/01/2025

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Hoàng Thị Thúy Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 543/2025/TLPT-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “**Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 725/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1950. Địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là tổ 3, ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Tổ 12, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là tổ 12, ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh).

3. Ông Lê Văn K, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là tổ 3, ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tiến Đ, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tổ 16, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là khu phố B, xã B, tỉnh Tây Ninh).

- **Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1955. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1975. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1964.
2. Anh Lê Văn L, sinh năm: 1986.
3. Chị Huỳnh Như L2, sinh năm: 1996.
4. Chị Huỳnh Thị X, sinh năm: 1997.
5. Chị Huỳnh Thị Phương T1, sinh năm: 2006.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

Tất cả có mặt, bà Điệp và anh Leo vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và ông Lê Văn K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà T, bà L và ông K yêu cầu:

- Bà Trần Thị N tháo dỡ căn nhà cất trên đất để trả lại diện tích 750m², nằm trong diện tích 1.682 m², thuộc thửa đất số 321, 322 và 2632, tờ bản đồ số 6. Tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

- Bà Nguyễn Thị L1 tháo dỡ căn nhà cất trên đất để trả lại diện tích 96m², nằm trong diện tích 1.682 m², thuộc thửa đất số 2632, tờ bản đồ số 6. Tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh).

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ruột nguyên đơn là ông Lê Văn P và bà Ngô Thị C tạo lập diện tích 1.682 m², thửa đất số 321, 322 và 2632, tờ bản đồ số 6. Tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 1998. Ông P và bà C chung sống có 04 người con: Lê Thị T, Lê Thị L, Lê Văn T1 (Chết năm 1999, có vợ Trần Thị Đ và 01 người con tên Lê Văn L) và Lê Văn K. Ông P chết năm 2009 và bà C chết năm 1986. Vào khoảng năm 2000 bà N và bà R có đến xin Ông P cho ở nhờ và có cất nhà tạm trên phần đất (bà N khoảng 750m², bà R khoảng 150m²). Trong thời gian cho ở nhờ mặc dù ông K sống chung với Ông P nhưng ít khi ở nhà, vào khoảng thời gian nào không nhớ bà N bỏ nhà tạm xây căn nhà tường không tô mái tôn, ông K có ngăn cản nhưng bà N cho rằng cất nhà ở tạm để tránh nắng mưa khi nào gia đình ông K đòi lại sẽ trả. Riêng bà R, sau khi bà R chết thì con dâu bà R là bà Nguyễn Thị L1 tiếp tục ở, vào khoảng thời gian nào không nhớ bà L1 bỏ nhà tạm xây căn nhà tường, ông K có ngăn cản nhưng bà L1 cho rằng đã mua của Ông P và ông K có yêu cầu đưa giấy mua bán nhưng bà L1 không đưa.

Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N và bà L1 tháo dỡ công trình tài sản trên đất để lại phần đất nêu trên cho các nguyên đơn.

Các nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất diện tích 54m², nên chỉ yêu cầu bà L1 trả lại diện tích 95,8 m².

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay bổ sung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà N trả lại diện tích 1.194,4 m², vì trước đây do chưa đo đạc thực tế nên đơn khởi kiện chỉ ước lượng diện tích tranh chấp. Đối với bà L1 thì yêu cầu trả lại giá trị đất tranh chấp theo kết quả định giá. Ngoài ra các nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Trần Thị N trình bày:* Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Vì nguồn gốc phần đất do bà mua của Ông P và ông K khi Ông P còn sống.

Bà mua đất của Ông P tổng cộng 04 lần. Cụ thể: Năm 1994 ông Lê Văn P (tên thường gọi là Thùng) và con Ông P là ông Lê Văn K bán cho bà miếng đất chiều ngang 15 mét, chiều dài 25 mét giá 04 chỉ vàng 98%. Năm 1998 ông Lê Văn P và con Ông P là ông Lê Văn K bán thêm cho bà miếng đất chiều ngang 30 mét, chiều dài 30 mét giá 08 chỉ vàng 98%. Khoảng 03 năm sau thì cha con Ông P bán thêm phần đất phía sau nhà khoảng 300m² giá 05 chỉ vàng 98%, khoảng 03 năm sau thì cha con Ông P bán thêm 03 thước đất sát vách nhà Ông P giá 05 chỉ vàng 98%.

Phần diện tích đất bà mua đều là đất địa, trũng, bà tiến hành thuê người đổ đất và cất nhà tranh bán tạp hóa. Sau khi nhà tranh hư hỏng bà tiến hành xây nhà tường nhưng thời gian qua lâu quá bà không nhớ năm nào. Năm 2007 bà tiến hành xây hàng rào bao quanh phần đất mà bà đã mua của Ông P, trong quá trình xây hàng rào ông K còn phụ giúp, thậm chí trên đất bà mua có giếng nước của ông K và có thuê người đóng giếng chỗ khác cho ông K.

Phần đất tranh chấp Ông P đã bán cho bà cách đây mấy chục năm bà đã đổ đất san lấp mặt bằng, xây dựng công trình trên đất và quản lý sử dụng từ khi mua đến nay không ai có ý kiến gì, hơn nữa vợ chồng bà đã được cấp giấy đất vào năm 2006, tuy nhiên còn lại 01 phần diện tích chưa được cấp giấy. Sau khi chồng chết, bà và các con đã làm thủ tục sang tên cho con ruột bà Huỳnh Như L2 đứng tên vào năm 2023. Do đó, bà không đồng ý trả lại và yêu cầu được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất nêu trên.

Trường hợp trả lại đất thì bà yêu cầu các nguyên đơn bồi thường toàn bộ giá trị công trình, tài sản mà bà đã đầu tư trên đất.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:* Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Vì nguồn gốc phần đất do bà mua của Ông P và ông K khi Ông P còn sống.

Trước đây mẹ chồng bà và Ông P là hàng xóm với nhau, Ông P có cho mẹ chồng bà ở nhờ trên đất bán quán cà phê, mẹ chồng bà bán được một thời gian thì giao lại cho vợ chồng bà bán. Sau đó Ông P có nhu cầu bán đất nên vợ chồng bà mua và vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2005.

Đầu tiên bà cất nhà lá, sử dụng thời gian thì làm lại nhà mái tôn, năm 2007 tiến hành xây nhà cấp 4 không tô có chiều ngang khoảng gần 05 mét, chiều dài hết đất. Năm 2019 bà tiến hành xây sửa lại căn nhà. Trong quá trình sử dụng và xây dựng nhà ở trên đất Ông P, ông K và những người trong gia đình Ông P không có ai ngăn cản hay có ý kiến gì thậm chí bà còn thuê cháu rể của ông K xây nhà và gửi vật liệu xây dựng ở nhà ông K.

Phần đất nêu trên Ông P và ông K đã bán cho vợ chồng bà cách đây mấy chục năm bà đã đổ đất xây dựng công trình trên đất và quản lý sử dụng từ khi mua đến nay không ai có ý kiến gì, hơn nữa vợ chồng bà đã được cấp giấy đất vào năm 2005. Do đó, bà không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Trường hợp trả lại đất thì bà yêu cầu các nguyên đơn bồi thường toàn bộ giá trị công trình, tài sản trên đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Như L2 trình bày:* Chị là con ruột của bà N và chị thống nhất ý kiến bà N.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị X và chị Huỳnh Thị Phương T1 trình bày:* Các chị là con ruột của bà L1, ông H và thống nhất ý kiến bà L1.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày:* Bà là vợ của ông Lê Văn T1, bà không biết gì về việc tranh chấp nêu trên nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L trình bày:* Anh là con của ông Lê Văn T1, anh không biết gì về việc tranh chấp nêu trên nên anh không có ý kiến hay yêu cầu gì và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản án số 39/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân khu vực 12 - Tây Ninh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và ông Lê Văn K về tranh chấp “Đòi lại tài sản là QSD đất” đối với bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị L1.

2. Bà Trần Thị N được quyền sử dụng phần đất diện tích 800,5 m², thửa đất số 60, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh). Tứ cận:

Đông giáp thửa đất số 59 dài 29.83 mét.

Tây giáp thửa đất số 61, 62, 63 dài 29.78 mét.

Nam giáp thửa đất số 60 và đường đất dài 25.86 mét.

Bắc giáp thửa đất số 13 dài 29.16 mét.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Bà Trần Thị N có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án của Tòa án để giải quyết, điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2025 bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và ông Lê Văn K kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, để giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị T, Lê Thị L và Lê Văn K được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ và anh Lê Văn L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Đ và anh Lê Văn L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và ông Lê Văn K khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị L1 tháo dỡ công trình tài sản trên đất để trả lại phần đất nêu trên cho các nguyên đơn. Cụ thể: Yêu cầu bà N trả lại diện tích 1.194,4 m² theo kết quả đo đạc thực tế. Yêu cầu bà L1 trả lại diện tích 95,8 m² theo kết quả đo đạc nhưng yêu cầu trả giá trị đất theo kết

quả định giá. Các nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất diện tích 54m² của bà L1.

Bà N và bà L1: Xác định nguồn gốc phần đất là do các bà mua của Ông P và ông K khi Ông P còn sống, có giấy tay mua bán, hai bà đã quản lý sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng. Bà N đã được cấp GCNQSDĐ năm 2006, phần còn lại chưa được cấp giấy và năm 2023 bà đã sang tên cho con ruột là chị Lan nên không đồng ý yêu cầu nguyên đơn, yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho bà. Bà L1 đã được cấp GCNQSDĐ năm 2005 nên không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và ông Lê Văn K thấy rằng:

[3.1] Phần diện tích tranh chấp bà N đang quản lý sử dụng thửa đất số 60 (800,5 m²) và 61 (387,1 m²) tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh). Tài sản trên đất có 01 hàng rào B40, có chân xây gạch kiên cố năm 2007 chiều dài 77,83 mét; 01 nhà vệ sinh diện tích 4m²; 01 căn nhà tạm lợp tole, cột gỗ tạp, nền gạch men diện tích 51m²; 01 mái che lợp tôn, nền xi măng, đòn tay gỗ tạp diện tích 16,6m², trị giá 65.161.000 đồng, phần đất trị giá 2.388.800.000 đồng.

Phần diện tích tranh chấp bà L1 đang quản lý sử dụng thửa đất số 63 (95,8 m²), tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh). Tài sản trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4 lợp tôn, đòn tay cây, nền gạch men diện tích 47,9m²; 01 mái che lợp tole, nền xi măng, đòn tay sắt diện tích 18,1m²; 01 mái che lợp tole, nền gạch men, đòn tay sắt diện tích 6,8m²; 01 nhà vệ sinh diện tích 7,7m²; 01 hàng rào B40, có chân xây gạch dài 6,8m², trị giá 267.330.000 đồng, phần đất trị giá 191.600.000 đồng.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà N và bà L1 trả lại quyền sử dụng đất cụ thể: bà N trả diện tích 1.194,4 m², bà L1 trả lại diện tích 95,8 m². Chứng cứ các nguyên đơn cung cấp là GCNQSDĐ cấp ngày 16/4/1998 do ông Lê Văn P (cha ruột của các nguyên đơn) đứng tên với tổng diện tích 1.682 m² gồm các thửa 321(550m²), 322(575m²), 2632(557m²).

Phía bị đơn thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của Ông P nhưng đã chuyển nhượng cho bị đơn bằng giấy tay, các bị đơn quản lý sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy đất vào năm 2005-2006. Cụ thể: bà Trần Thị N, ông Huỳnh Văn Khai được cấp GCNQSDĐ diện tích 354m², thửa 08, tờ bản đồ số 32 ngày 24/7/2006. Bà Nguyễn Thị L1, ông Huỳnh Trúc Hồ

được cấp GCNQSDĐ diện tích 96m², thửa 13, tờ bản đồ số 32 ngày 25/4/2005. Thửa 60 diện tích 807,3m² chưa được cấp GCNQSDĐ do bà N quản lý sử dụng. Thửa 61 diện tích 387,1m² bà N quản lý, được cấp GCNQSDĐ diện tích 354m², thửa 08, tờ bản đồ số 32 ngày 24/7/2006 đến ngày 18/8/2023 chị Huỳnh Như L2 con của bà N đứng tên diện tích 387,1m², thửa 61, tờ bản đồ số 20. Tài sản trên đất: 01 căn nhà tạm lợp tol, mái che, 01 nhà vệ sinh, hàng rào B40.

Thửa 63 diện tích 96m² bà L1 quản lý, được cấp GCNQSDĐ diện tích 96m², thửa 13, tờ bản đồ số 32 ngày 25/4/2005 cấp cho ông Huỳnh Trúc Hồ, bà Nguyễn Thị L1 đứng tên. Tài sản trên đất: 01 căn nhà cấp 4, mái che, nhà vệ sinh, hàng rào B40. Tài liệu bị đơn cung cấp là các giấy tay mua bán đất giữa bị đơn với Ông P và ông K (một trong các nguyên đơn).

Qua xem xét chứng cứ là GCNQSDĐ của ông Lê Văn P cấp ngày 16/4/1998, tại trang 4 GCNQSDĐ Ông P đứng tên thể hiện “ *tiếp tục sử dụng đất đến ngày 16/3/2068 theo hồ số số 0152/2023*” nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp GCNQSDĐ của Ông P, để làm rõ những biến động cụ thể làm cơ sở xác định có sang nhượng đất cho bị đơn hay không, vì phía nguyên đơn không chấp nhận các giấy tay mua bán giữa bị đơn và Ông P.

Chưa làm rõ thửa cũ (321, 322 và 2632) trong giấy đất do Ông P đứng tên tương ứng thửa mới hiện nay là thửa nào, ai đứng tên vì theo sơ đồ đo đạc thể hiện: 04 thửa 60 (800,5m²), 61 (387,1m²), 62 (318,5m²), và 63 (95,8m²) trong đó ông K (nguyên đơn) đứng tên thửa 62, bị đơn bà N đứng tên thửa 61, bà L1 đứng tên thửa 63, riêng thửa 60 thì chưa cấp giấy đất cho ai. (bản án sơ thẩm công nhận cho bà N).

Như vậy, đất tranh chấp đang tồn tại song song các giấy đất đang có hiệu lực nhưng chưa được làm rõ, chưa đưa cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ vào tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ mà tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để làm cơ sở giải quyết vụ án và bỏ sót người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần huỷ án để cấp sơ thẩm giải quyết lại. Do huỷ án nên không xét kháng cáo của đương sự.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí và chi phí tố tụng: Được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Về án phí phúc thẩm: Ông K, bà L và Bà T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị T, ông Lê Văn K và bà Lê Thị L không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Lê Văn K 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002986 ngày 14/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Dương Thúy Hằng